

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH SƠN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05 /2023/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 01 năm 2023
V/v “Ly hôn” và “Nuôi con
chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH SƠN, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trần Anh Khoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trương Thị Ngọc

2. Ông Nguyễn Kim Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn tham gia phiên

toà: Bà Trần Thị Mai Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 132/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/8/2022 về việc tranh chấp “Ly hôn” và “Nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/12/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: Thôn Lương Cang 2, xã NS, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- Bị đơn: Ông Trần Đình H, sinh năm 1980;

Nơi cư trú: Thôn Lương Cang 2, xã NS, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn bà Trần Thị Kim T trình bày:

Tôi và ông Trần Đình H kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 07/8/2002 tại UBND xã NS, huyện S, tỉnh T theo theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyền số 01/2002.

Sau nhiều năm chung sống, giữa tôi và ông Hậu phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không quan tâm đến nhau. Tôi và ông Hậu cũng đã ly thân nhiều năm nay, không còn sống chung với nhau nữa. Do đó tôi yêu cầu ly hôn với ông Trần Đình H.

Về con chung: Tôi và ông Trần Đình H có 02 con chung là cháu Trần Thị TH, sinh ngày 04/12/2001 đã lập gia đình và cháu Trần Ngọc K, sinh ngày 24/10/2006, hiện nay đang còn đi học. Tôi yêu cầu được trực tiếp trông nom,

chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc K và không yêu cầu ông Trần Đình H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Tôi đồng ý chịu toàn bộ án phí.

Bị đơn ông Trần Đình H đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng nên không có ý kiến trình bày:

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bà Trần Thị Kim T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Trần Đình H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không chấp hành và vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Trần Đình H.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim T, cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim T được ly hôn với ông Trần Đình H.

+ Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thị Kim T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc K, sinh ngày 24/10/2006.

Ông Trần Đình H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Kim T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Tòa án không xem xét trong vụ án này.

+ Về án phí: Bà Trần Thị Kim T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp:

Bà Trần Thị Kim T và ông Trần Đình H kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 07/8/2002 tại UBND xã NS, huyện N, tỉnh T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển số 01/2002. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn” và “Nuôi con chung khi ly hôn”.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án:

Bị đơn ông Trần Đình H có nơi cư trú tại thôn L, xã NS, huyện S, tỉnh T. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh T.

[1.3]. Về sự vắng mặt của ông Trần Đình H:

Ông Đinh Xuân Phát đã được Tòa án niêm yết, tổng đạt hợp lệ Quyết định Đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt ông Trần Đình H.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Kim T và ông Trần Đình H kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 07/8/2002 tại UBND xã NS, huyện S, tỉnh T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyền số 01/2002. Căn cứ Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Kim T và ông Trần Đình H là hợp pháp.

Tại Biên bản xác minh ngày 07/9/2022 tại UBND xã NS, huyện S (BL 16) thể hiện: Sau khi kết hôn một thời gian, bà Tính và ông Hậu phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung và đã không còn chung sống với nhau nữa.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Đình H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, cụ thể: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Hậu không đến Tòa án, không gửi bản trình bày ý kiến và vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án. Điều này thể hiện ông Hậu đã không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân, đồng thời thể hiện ông Hậu đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Từ các tài liệu, chứng cứ nói trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm có đủ cơ sở để kết luận:

Cuộc sống hôn nhân giữa bà Trần Thị Kim T và ông Trần Đình H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong thời gian dài nhưng vợ chồng không tìm cách chia sẻ, hàn gắn, cảm thông, nhường nhịn lẫn nhau. Mặc dù Tòa án đã nhiều lần mời ông Hậu đến Tòa án để hòa giải với bà Tính nhưng ông Hậu vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và, không vì sự kiện bất khả kháng cũng không gửi bản trình bày ý kiến, chứng tỏ mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Trần Thị Kim T về việc xin ly hôn với ông Trần Đình H.

[2.2]. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng:

Bà Trần Thị Kim T và ông Trần Đình H có 01 con chung chưa đủ 18 tuổi là cháu Trần Ngọc K, sinh ngày 24/10/2005, hiện nay cháu Trần Ngọc K đang sống với bà Trần Thị Kim T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao Trần Ngọc K, sinh ngày 24/10/2005 cho bà Trần Thị Kim T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng để đảm bảo

được quyền lợi hợp pháp về mọi mặt cũng như sự phát triển tốt nhất cho cháu Hoan.

Do bà Trần Thị Kim T không yêu cầu ông Trần Đình H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Kim T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[2.4]. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Kim T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[3]. Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ nói trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận tại phiên tòa; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 8, 9, 51, 53, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim T; Cụ thể:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim T được ly hôn với ông Trần Đình H.

2.2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng:

Bà Trần Thị Kim T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Ngọc K, sinh ngày 24/10/2005.

Ông Trần Đình H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Kim T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét trong vụ án này.

2.4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005951 ngày 28/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bà Trần Thị Kim T có mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần

Đình H vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Các đương sự;
- UBND xã NS, huyện S, tỉnh T.
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Trần Anh Khoa